
Bản án số: 38/2020/ DSST
Ngày 22/09/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Trần Văn Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân - Thư

ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 22 tháng 09 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/ TLST- DS ngày 14 tháng 05 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S G T T

Địa chỉ: số 266 – 268 N K K N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 3808/2018/GUQ-PL ngày 29/11/2018.

Ông Phạm Thái Bình ủy quyền lại cho ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Tân Hiệp - Ngân hàng TMCP S G T T (theo giấy ủy quyền số: 109/GUQ – CNKG ngày 11/06/2020) (có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp T A 2, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S G T T – Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Ngọc

H trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 và giấy nhận nợ ký ngày 08/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với ông Dương Văn T và căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 23/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với ông Dương Văn T. Theo đó Ngân hàng TMCP S G T T có cấp tín dụng cho ông Dương Văn T vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau: Số tiền vay 30.000.000đ, lãi suất 8,4%/năm, thời hạn vay 36 tháng, thời điểm trả hết nợ: ngày 08/11/2020. Phương thức thanh toán: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ (vốn lãi chia đều trả hàng tháng theo dư nợ ban đầu) và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 23/11/2017, hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay ông T chỉ trả cho ngân hàng TMCP S G T T nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 ngày 08/11/2017 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 16.660.000đ (mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Từ đó cho đến nay thì qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Dương Văn T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Vì ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 27/8/2019 Ngân hàng TMCP S G T T đã chuyển toàn bộ số nợ vay của ông T sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử hôm nay 22/9/2020 ông Dương Văn T còn nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 ngày 08/11/2017 số tiền là 17.226.583đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 13.340.000đ (mười ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn 2.940.000đ (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi quá hạn 946.583đ (chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi ba đồng). Mặt khác ông T còn nợ Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 23/11/2017 số tiền là 26.971.600đ (hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm đồng), trong đó nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi quá hạn là 6.971.600đ (sáu triệu chín trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm đồng). Tổng cộng 02 khoản vay, ông Dương Văn T còn nợ ngân hàng số tiền là 44.198.183 (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 35.102.259 (ba mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), lãi trong hạn là 2.940.000đ (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi quá hạn là

6.155.924đ (sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ, đốc thúc đến hạn thanh toán nhưng đến nay bên vay vốn vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy bên vay đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn T trả nợ 02 khoản vay cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền là 44.198.183 (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 22/9/2020 của ngân hàng TMCP S G T T), trong đó tiền gốc là 35.102.259 (ba mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 22/09/2020 là 2.940.000đ (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 22/9/2020 là 6.155.924đ (sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi ông Dương Văn T trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T.

Bị đơn ông Dương Văn T trình bày: do ông Dương Văn T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Dương Văn T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Dương Văn T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Văn T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP S G T T với ông Dương Văn T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu giải quyết buộc ông Dương Văn T trả nợ cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền gốc và lãi là 44.198.183 (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 08/11/2017 ông Dương Văn T có vay của Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng đối với hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 và giấy nhận nợ ký ngày 08/11/2017, lãi suất 8,4%/năm và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 23/11/2017, hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hàng tháng ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Phương thức thanh toán: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ (vốn lãi chia đều trả hàng tháng theo dư nợ ban đầu). Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay ông T chỉ trả cho ngân hàng TMCP S G T T nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 ngày 08/11/2017 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 16.660.000đ (mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm

ngàn đồng). Từ đó cho đến nay thì ông T vẫn chưa trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP S G T T, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn T trả cho Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền gốc của 02 khoản vay là 35.102.259 (ba mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 22/09/2020 là 2.940.000đ (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 22/9/2020 là 6.155.924đ (sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 22/9/2020 của ngân hàng TMCP S G T T). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 44.198.183đ (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 ngày 08/11/2017 và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 23/11/2017 đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi ông Dương Văn T trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T. LỜI YÊU CẦU CỦA ÔNG VŨ NGỌC H PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU 463 BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 VÀ KHOẢN 2 ĐIỀU 91 LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S G T T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 985.000đ (chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000547 ngày 12/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Dương Văn T phải nộp: $44.198.183đ \times 5\% = 2.209.909đ$ tính tròn là 2.210.000đ (hai triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T.

3/ Buộc ông Dương Văn T trả cho Ngân hàng TMCP S G T T tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 44.198.183đ (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Dương Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: LD 1731200183 ngày 08/11/2017 và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng đã ký ngày 23/11/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S G T T thì lãi suất mà ông Dương Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S G T T.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc ông Dương Văn T nộp 2.210.000đ (hai triệu hai trăm mười nghìn đồng).
- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 985.000đ (chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000547 ngày 12/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP S G T T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho ông Dương Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật